

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUANG CƠ

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC

NĂM HỌC 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	2816	641	615	611	452	497

I. Kết quả học tập	Tổng số	Tổng số học sinh		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1. Tiếng Việt	2816	2319		641		615		611		452	
Hoàn thành tốt		1365	48,47	395	61,62	416	67,69	346	56,63	208	46,02
Hoàn thành		920	32,67	221	34,48	194	31,49	264	43,21	241	53,32
Chưa hoàn thành		34	1,2	25	3,9	5	0,81	1	0,16	3	0,66
2. Toán	2816	2319		641		615		611		452	
Hoàn thành tốt		1515	53,8	486	75,82	419	68,18	380	62,19	230	50,88
Hoàn thành		767	27,24	132	20,59	192	31,17	228	37,32	216	47,79
Chưa hoàn thành		37	1,3	23	3,59	4	0,65	3	0,49	6	1,33
3. Đạo đức	2816	2319		641		615		611		452	
Hoàn thành tốt		1927	68,4	481	75,04	535	87,01	497	81,34	414	91,59
Hoàn thành		392	13,9	160	24,96	80	12,99	114	18,66	38	8,41
Chưa hoàn thành											
4. Tự nhiên và Xã hội	2816	1867		641		615		611		452	
Hoàn thành tốt		1367	48,5	460	71,76	462	75,16	445	72,83		
Hoàn thành		500	17,75	181	28,24	153	24,84	166	27,17		
Chưa hoàn thành											
5. Nghệ thuật (Âm nhạc)	2816	2319		641		615		611		452	
Hoàn thành tốt		1450	51,5	423	65,99	448	72,89	367	60,07	212	46,90
Hoàn thành		869	30,86	218	34,01	167	27,11	244	39,93	240	53,10
Chưa hoàn thành											
6. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	2816	2319		641		615		611		452	
Hoàn thành tốt		1510	53,6	382	59,59	420	68,34	424	69,39	284	62,83
Hoàn thành		809	28,7	259	40,41	195	31,66	187	30,61	168	37,17
Chưa hoàn thành											
7. Hoạt động trải nghiệm	2816	2319		641		615		611		452	
Hoàn thành tốt		1783	63,3	472	73,63	470	76,46	465	76,10	376	83,19
Hoàn thành		536	19	169	26,37	145	23,54	146	23,90	76	16,81
Chưa hoàn thành											
8. Giáo dục thể chất	2816	2319		641		615		611		452	
Hoàn thành tốt		1841	65,37	500	78	494	80,36	478	78,23	369	81,31

Hoàn thành		478	16,97	141	22	121	19,64	133	21,77	89	19,69
Chưa hoàn thành											
9. TH-CN (Công nghệ)	2816	1063						611		452	
Hoàn thành tốt		794	28,2					431	70,54	363	80,31
Hoàn thành		269	9,5					180	29,46	89	19,69
Chưa hoàn thành											
10. TH-CN (Tin học)	2816	1063						611		452	
Hoàn thành tốt		468	16,6					339	55,48	129	28,54
Hoàn thành		595	21,1					272	44,52	323	71,46
Chưa hoàn thành											
11. Ngoại ngữ	2816	1063						611		452	
Hoàn thành tốt		718	25,5					439	71,85	279	61,73
Hoàn thành		345	12,5					172	28,15	173	38,27
Chưa hoàn thành											
II. Năng lực cốt lõi											
Năng lực chung											
Tự chủ và tự học	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		1876	66,6	549	85,6	509	82,8	456	74,6	362	80,1
Đạt		443	15,7	92	14,4	106	17,2	155	25,4	90	19,9
Cần cố gắng											
Giao tiếp và hợp tác	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		1941	68,9	563	87,8	521	84,7	482	78,9	375	83
Đạt		378	13,4	78	12,2	94	15,3	129	21,1	77	17
Cần cố gắng											
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		1797	63,8	528	82,4	479	77,9	433	70,9	357	79
Đạt		522	18,5	113	17,6	136	24,1	178	29,1	95	21
Cần cố gắng											
Năng lực đặc thù											
Ngôn ngữ	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		1889	67,1	555	86,6	503	81,8	449	73,5	382	84,5
Đạt		430	15,2	86	13,4	112	18,2	162	26,5	70	15,5
Cần cố gắng											
Tính toán	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		1838	65,3	537	83,8	476	77,4	455	74,5	370	81,9
Đạt		481	17,1	104	16,2	139	22,6	156	25,5	82	18,1
Cần cố gắng											
Khoa học	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		1941	68,9	541	84,4	522	84,9	479	78,4	399	88,3
Đạt		378	13,4	100	15,6	93	15,1	132	21,6	53	11,7
Cần cố gắng											
Thẩm mĩ	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		1904	67,6	565	88,1	547	89	459	75,1	372	82,3
Đạt		415	14,7	76	11,9	68	11	152	24,9	80	17,7
Cần cố gắng											
Thể chất	2816	2319		641		615		611		452	

Tốt		2039	72,4	570	88,9	547	89	519	84,9	403	89,2
Đạt		280	9,9	71	11,1	68	11	92	15,1	49	10,8
Cần cố gắng											
III. Phẩm chất chủ yếu											
Yêu nước	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		2250	79,9	606	94,5	615	100	577	94,4	452	100
Đạt		69	2,45	35	5,5			34	5,6		
Cần cố gắng											
Nhân ái	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		2232	79,3	605	94,4	614	99,8	561	91,8	452	100
Đạt		87	3,1	36	5,6	1	0,2	50	8,2		
Cần cố gắng											
Chăm chỉ	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		1884	66,9	540	84,2	500	81,3	478	78,2	366	81
Đạt		435	15,4	101	15,8	115	18,7	133	21,8	86	19
Cần cố gắng											
Trung thực	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		2135	75,8	595	92,8	568	92,4	535	87,6	437	96,7
Đạt		184	6,5	46	7,2	47	7,6	76	12,4	15	15
Cần cố gắng											
Trách nhiệm	2816	2319		641		615		611		452	
Tốt		1940	68,9	557	86,9	513	83,4	482	78,9	388	85,8
Đạt		379	13,45	84	13,1	102	16,6	129	21,1	64	142
Cần cố gắng											
IV. Đánh giá KQGD	2816	2319		641		615		611		452	
- Hoàn thành xuất		923	32,77	333		315		206		69	
- Hoàn thành tốt		72	2,6	2		29		24		17	
- Hoàn thành		1276	45,3	276		265		377		358	
- Chưa hoàn thành		48	1,7	30		6		4		8	
V. Khen thưởng		1095		345		370		266		114	
- Giấy khen cấp trường		995	35,3	335		344		230		86	
- Giấy khen cấp trên		100	3,5	10		26		36		28	
VI. Chương trình lớp học											
Hoàn thành		2271	80,6	310		609				444	
Chưa hoàn thành		48	1,7	12		6				8	

I. Kết quả học tập	Tổng số	Lớp 5	
1. Tiếng Việt	497	SL	Tỉ lệ
Hoàn thành tốt		346	69,62
Hoàn thành		151	30,38
Chưa hoàn thành			
2. Toán	497		
Hoàn thành tốt		413	83,1
Hoàn thành		84	16,9

Chưa hoàn thành			
3. Đạo đức	497		
Hoàn thành tốt		430	86,52
Hoàn thành		67	13,48
Chưa hoàn thành			
5. Khoa học	497		
Hoàn thành tốt		438	88,13
Hoàn thành		59	11,87
Chưa hoàn thành			
6. LS & DL	497		
Hoàn thành tốt		448	90,14
Hoàn thành		49	9,86
Chưa hoàn thành			
7. Âm nhạc	497		
Hoàn thành tốt		370	74,45
Hoàn thành		127	25,55
Chưa hoàn thành			
7. Mĩ thuật	497		
Hoàn thành tốt		351	70,62
Hoàn thành		146	29,38
Chưa hoàn thành			
8. Thủ công, Kĩ thuật	497		
Hoàn thành tốt		405	81,49
Hoàn thành		92	18,51
Chưa hoàn thành			
10. Thể dục	497		
Hoàn thành tốt		383	77,06
Hoàn thành		114	22,94
Chưa hoàn thành			
11. Ngoại ngữ	497		
Hoàn thành tốt		374	75,25
Hoàn thành		123	24,75
Chưa hoàn thành			
12. Tin học	497		
Hoàn thành tốt		353	71,03
Hoàn thành		144	28,97
Chưa hoàn thành			
II. Năng lực	497	SL	TL
Tự phục vụ tự quản			
Tốt		431	86,7
Đạt		66	13,3
Cần cố gắng			
Hợp tác			
Tốt		412	82,9
Đạt		85	17,1
Cần cố gắng			

Tự học và giải quyết vấn đề			
Tốt		389	78,3
Đạt		108	21,7
Cần cố gắng			
III. Phẩm chất	497	SL	TL
Chăm học chăm làm			
Tốt		403	81,1
Đạt		94	18,9
Cần cố gắng			
Tự tin trách nhiệm			
Tốt		406	81,7
Đạt		91	18,3
Cần cố gắng			
Trung thực kỷ luật			
Tốt		440	88,5
Đạt		57	11,5
Cần cố gắng			
Đoàn kết yêu thương			
Tốt		452	90,9
Đạt		45	9,1
Cần cố gắng			
IV. Khen thưởng	497		
- Giấy khen cấp trường		322	
- Giấy khen cấp trên		38	
VI. Chương trình lớp học	497		
Hoàn thành		497	
Chưa hoàn thành			

Quận 12, ngày 12 tháng 7 năm 2024



Trần Thị Hoàng Lan